BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)
Địa chỉ: Số 65 Phạm Thận Duật - Mai Dịch - Cầu Giấy - Hà Nội - Việt Nam
Điện thoại: 84-2432262215 / 84-2432262216 Fax: 84-2439335738 * Website: www.nifc.gov.vn

Số: 7117/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên mẫu: Sữa tươi tiệt trùng có đường - Nhãn hiệu Vinamilk 100% Sữa tươi (T-STTT-2)
2. Mã số mẫu: 04181447/DV.2
3. Mô tả mẫu: Mẫu đóng gói trong bao bì kín - Số lượng: 20
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Theo hướng dẫn QLCL.HD.LM.01
6. Ngày lấy mẫu: Không có
7. Ngày nhận mẫu: 06/04/2018
8. Thời gian thử nghiệm: 06/04/2018 - 17/04/2018
9. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần Sữa Việt Nam - Vinamilk
   Địa chỉ: 10 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP Hồ Chí Minh
10. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Vi sinh vật

STT	*Tên chỉ tiêu*	*Đơn vị*	*Phương pháp thử*	*Kết quả*
10.1*	*L. monocytogenes*	CFU/mL	TCVN 7700-2:2007	KPH (LOD: 1 CFU/mL)
10.2*	*Enterobacteriaceae*	CFU/mL	TCVN 5518-2:2007	KPH (LOD: 1 CFU/mL)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2018

TUQ.VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA

TRƯỞNG PHÒNG KHĐT&CĐT
ThS.Nguyễn Thị Thanh Huyền

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm ATVSTPQG
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
*4. Chỉ tiêu đánh dấu * là chỉ tiêu được công nhận VILAS*
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định

BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)
Địa chỉ: Số 65 Phạm Thận Duật - Mai Dịch - Cầu Giấy - Hà Nội - Việt Nam
Điện thoại: 84-2432262215 / 84-2432262216 Fax: 84-2439335738 * Website: www.nifc.gov.vn

Số: 7118/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên mẫu: Sữa tươi tiệt trùng có đường - Nhãn hiệu Vinamilk 100% Sữa tươi (T-STTT-2)
2. Mã số mẫu: 04181447/DV.2
3. Mô tả mẫu: Mẫu đóng gói trong bao bì kín - Số lượng: 20
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Theo hướng dẫn QLCL.HD.LM.01
6. Ngày lấy mẫu: Không có
7. Ngày nhận mẫu: 06/04/2018
8. Thời gian thử nghiệm: 06/04/2018 - 17/04/2018
9. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần Sữa Việt Nam - Vinamilk
   Địa chỉ: 10 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP Hồ Chí Minh
10. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Kim loại nặng

STT	*Tên chỉ tiêu*	*Đơn vị*	*Phương pháp thử*	*Kết quả*
10.1	Hàm lượng Arsenic	mg/kg	H.HD.QT.429 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,003 mg/kg)
10.2	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	H.HD.QT.429 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004 mg/kg)
10.3	Hàm lượng Chì	mg/kg	H.HD.QT.429 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004 mg/kg)
10.4	Hàm lượng Thủy ngân	mg/kg	H.HD.QT.429 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,003 mg/kg)
10.5	Hàm lượng Stibi (Antimon) (Sb)	mg/kg	H.HD.QT.429(ICP-MS)	KPH (LOD: 0,002 mg/kg)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2018

TUQ.VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA

TRƯỞNG PHÒNG KHĐT&CĐT
ThS.Nguyễn Thị Thanh Huyền

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm ATVSTPQG
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
*4. Chỉ tiêu đánh dấu * là chỉ tiêu được công nhận VILAS*
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định

BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)
Địa chỉ: Số 65 Phạm Thận Duật - Mai Dịch - Cầu Giấy - Hà Nội - Việt Nam
Điện thoại: 84-2432262215 / 84-2432262216 Fax: 84-2439335738 * Website: www.nifc.gov.vn

Số: 7120/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên mẫu: Sữa tươi tiệt trùng có đường - Nhãn hiệu Vinamilk 100% Sữa tươi (T-STTT-2)
2. Mã số mẫu: 04181447/DV.2
3. Mô tả mẫu: Mẫu đóng gói trong bao bì kín - Số lượng: 20
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Theo hướng dẫn QLCL.HD.LM.01
6. Ngày lấy mẫu: Không có
7. Ngày nhận mẫu: 06/04/2018
8. Thời gian thử nghiệm: 06/04/2018 - 17/04/2018
9. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần Sữa Việt Nam - Vinamilk
   Địa chỉ: 10 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP Hồ Chí Minh
10. Kết quả thử nghiệm: Độc tố vi nấm

STT	*Tên chỉ tiêu*	*Đơn vị*	*Phương pháp thử*	*Kết quả*
10.1*	Hàm lượng Aflatoxin M1	µg/kg	H.HD.QT.109 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,1 µg/kg)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2018

TUQ.VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA

TRƯỞNG PHÒNG KHĐT&CĐT
ThS.Nguyễn Thị Thanh Huyền

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm ATVSTPQG
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
*4. Chỉ tiêu đánh dấu * là chỉ tiêu được công nhận VILAS*
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định

BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)
Địa chỉ: Số 65 Phạm Thận Duật - Mai Dịch - Cầu Giấy - Hà Nội - Việt Nam
Điện thoại: 84-2432262215 / 84-2432262216 Fax: 84-2439335738 * Website: www.nifc.gov.vn

Số: 7119/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên mẫu: Sữa tươi tiệt trùng có đường - Nhãn hiệu Vinamilk 100% Sữa tươi (T-STTT-2)
2. Mã số mẫu: 04181447/DV.2
3. Mô tả mẫu: Mẫu đóng gói trong bao bì kín - Số lượng: 20
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Theo hướng dẫn QLCL.HD.LM.01
6. Ngày lấy mẫu: Không có
7. Ngày nhận mẫu: 06/04/2018
8. Thời gian thử nghiệm: 06/04/2018 - 17/04/2018
9. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần Sữa Việt Nam - Vinamilk
   Địa chỉ: 10 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP Hồ Chí Minh
10. Kết quả thử nghiệm: Melamin

STT	*Tên chỉ tiêu*	*Đơn vị*	*Phương pháp thử*	*Kết quả*
10.1*	Hàm lượng Melamin	µg/kg	H.HD.QT.133 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 15 µg/kg)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2018

TUQ.VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA

TRƯỞNG PHÒNG KHĐT&CĐ

ThS.Nguyễn Thị Thanh Huyền

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm ATVSTPQG
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
*4. Chỉ tiêu đánh dấu * là chỉ tiêu được công nhận VILAS*
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định

BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)
Địa chỉ: Số 65 Phạm Thận Duật - Mai Dịch - Cầu Giấy - Hà Nội - Việt Nam
Điện thoại: 84-2432262215 / 84-2432262216 Fax: 84-2439335738 * Website: www.nifc.gov.vn

Số: 7121/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên mẫu: Sữa tươi tiệt trùng có đường - Nhãn hiệu Vinamilk 100% Sữa tươi (T-STTT-2)
2. Mã số mẫu: 04181447/DV.2
3. Mô tả mẫu: Mẫu đóng gói trong bao bì kín - Số lượng: 20
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Theo hướng dẫn QLCL.HD.LM.01
6. Ngày lấy mẫu: Không có
7. Ngày nhận mẫu: 06/04/2018
8. Thời gian thử nghiệm: 06/04/2018 - 17/04/2018
9. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần Sữa Việt Nam - Vinamilk
   Địa chỉ: 10 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP Hồ Chí Minh
10. Kết quả thử nghiệm: Dư lượng thuốc thú y

STT	*Tên chỉ tiêu*	*Đơn vị*	*Phương pháp thử*	*Kết quả*
10.1*	Hàm lượng Clortetracyclin	µg/kg	H.HD.QT.160 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 1 µg/kg)
10.2*	Hàm lượng Oxytetracyclin	µg/kg	H.HD.QT.160 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 1 µg/kg)
10.3*	Hàm lượng Tetracylin	µg/kg	H.HD.QT.160 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 1 µg/kg)
10.4*	Hàm lượng Dihydrostreptomycin	µg/kg	H.HD.QT.173 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 5 µg/kg)
10.5*	Hàm lượng Gentamycin	µg/kg	H.HD.QT.173 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 10 µg/kg)
10.6*	Hàm lượng Streptomycin	µg/kg	H.HD.QT.173 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 5 µg/kg)
10.7*	Hàm lượng Benzylpenicilin	µg/kg	H.HD.QT.214 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5 µg/kg)
10.8*	Hàm lượng Procain benzylpenicilin	µg/kg	H.HD.QT.214 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5 µg/kg)
10.9*	Hàm lượng Spiramycin	µg/kg	H.HD.QT.214 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 1 µg/kg)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2018

TUQ.VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA

TRƯỞNG PHÒNG KHĐT&CĐT

ThS.Nguyễn Thị Thanh Huyền

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm ATVSTPQG
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
*4. Chỉ tiêu đánh dấu * là chỉ tiêu được công nhận VILAS*
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định

BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)
Địa chỉ: Số 65 Phạm Thận Duật - Mai Dịch - Cầu Giấy - Hà Nội - Việt Nam
Điện thoại: 84-2432262215 / 84-2432262216 Fax: 84-2439335738 * Website: www.nifc.gov.vn

Số: 7122/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên mẫu: Sữa tươi tiệt trùng có đường - Nhãn hiệu Vinamilk 100% Sữa tươi (T-STTT-2)
2. Mã số mẫu: 04181447/DV.2
3. Mô tả mẫu: Mẫu đóng gói trong bao bì kín - Số lượng: 20
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Theo hướng dẫn QLCL.HD.LM.01
6. Ngày lấy mẫu: Không có
7. Ngày nhận mẫu: 06/04/2018
8. Thời gian thử nghiệm: 06/04/2018 - 17/04/2018
9. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần Sữa Việt Nam - Vinamilk
   Địa chỉ: 10 Tân Trào, phường Tân Phú, quận 7, TP Hồ Chí Minh
10. Kết quả thử nghiệm: Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật

STT	*Tên chỉ tiêu*	*Đơn vị*	*Phương pháp thử*	*Kết quả*
10.1*	Hàm lượng Aldrin	µg/kg	H.HD.QT.181 (GC-MS/MS)	KPH (LOD: 1 µg/kg)
10.2*	Hàm lượng Cyfluthrin	µg/kg	H.HD.QT.181 (GC-MS/MS)	KPH (LOD: 10 µg/kg)
10.3*	Hàm lượng DDT	µg/kg	H.HD.QT.181 (GC-MS/MS)	KPH (LOD: 2 µg/kg)
10.4*	Hàm lượng Dieldrin	µg/kg	H.HD.QT.181 (GC-MS/MS)	KPH (LOD: 1 µg/kg)
10.5*	Hàm lượng Endosulfan	µg/kg	H.HD.QT.181 (GC-MS/MS)	KPH (LOD: 5 µg/kg)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2018

TUQ.VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA

TRƯỞNG PHÒNG KHĐT&CĐT
ThS.Nguyễn Thị Thanh Huyền

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm ATVSTPQG
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
*4. Chỉ tiêu đánh dấu * là chỉ tiêu được công nhận VILAS*
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 006290 **/VYTCC**

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 05442.18

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH

Tên mẫu : **SỮA TƯƠI TIỆT TRÙNG CÓ ĐƯỜNG - VINAMILK 100% SỮA TƯƠI**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-STTT-4

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 07 hộp x 110 mL

Ngày nhận mẫu : 02/04/2018

Người gửi mẫu : Châu Thúy An

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Cyhalothrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	05/04/2018
2	Deltamethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 20 µg/kg	05/04/2018
3	Albendazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	05/04/2018
4	Amoxicillin	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 3,0 µg/kg	07/04/2018
5	Clenbuterol	HD.PP.43-1/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,014 µg/kg	05/04/2018
6	Colistin	HD.PP.30/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 15,0 µg/kg	07/04/2018
7	Cypermethrin và alpha-cypermethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 40 µg/kg	05/04/2018
8	Monensin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,5 µg/kg	05/04/2018
9	Dexamethasone	HD.PP.08-1/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	07/04/2018
10	Tylosin	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 15,0 µg/kg	07/04/2018
11	Ceftiofur	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 30,0 µg/kg	07/04/2018

Mã số mẫu: 05442.18

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
12	Lincomycin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 30,0 µg/kg	07/04/2018
13	Neomycin	Ref. CLG-AMG2.06 (2013)	Không phát hiện MLOD = 150 µg/kg	06/04/2018
14	Pirlimycin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 30,0 µg/kg	07/04/2018
15	Spectinomycin	Ref. CLG-AMG2.06 (2013)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	06/04/2018
16	Sulfadimidin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 3,0 µg/kg	07/04/2018
17	Diminazen	Ref. J.AOAC,Vol 86, (2003)	Không phát hiện MLOD = 30,0 µg/kg	07/04/2018
18	Doramectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3,0 µg/kg	07/04/2018
19	Eprinomectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3,0 µg/kg	07/04/2018
20	Febantel	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	05/04/2018
21	Fenbendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	05/04/2018
22	Oxfendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	05/04/2018
23	Imidocarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	05/04/2018
24	Isometamidium	Ref. J.Chroma.B, 879 (2011)	Không phát hiện MLOD = 30,0 µg/kg	07/04/2018
25	Ivermectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3,0 µg/kg	07/04/2018
26	Thiabendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	05/04/2018
27	Trichlorfon (Metrifonat)	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	05/04/2018

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 4 năm 2018

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KHU VỰC PHÍA NAM

Ths. Nguyễn Đức Thịnh

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HỒ CHÍ MINH

PGS.TS.BS Đặng Văn Chính

BỘ Y TẾ
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 006292 **/VYTCC**

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 05443.18

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH

Tên mẫu : **SỮA TƯƠI TIỆT TRÙNG CÓ ĐƯỜNG - VINAMILK 100% SỮA TƯƠI**

Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-STTT-4

Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu

Lượng mẫu : 07 hộp x 110 mL

Ngày nhận mẫu : 02/04/2018

Người gửi mẫu : Châu Thúy An

Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Bifenthrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
2	Chlorpyrifos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2018
3	Chlorpyrifos-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
4	Diclorvos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2018
5	Dimethoate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
6	Disulfoton	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
7	Ethephon	Ref. EURL-SRM, Version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	08/04/2018
8	Fipronil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2018
9	Lindan	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
10	Methidathion	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0005 mg/kg	05/04/2018
11	Chlordane	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,001 mg/kg	05/04/2018

Mã số mẫu: 05443.18

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
12	Diazinon	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2018
13	Diphenylamin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0003 mg/kg	05/04/2018
14	Fenpropathrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	05/04/2018
15	Fenvalerate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	05/04/2018
16	Heptachlor	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
17	Permethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	05/04/2018
18	Phorate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
19	Piperonyl butoxide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
20	Thiabendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
21	Abamectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	05/04/2018
22	Acephate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2018
23	Aldicarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
24	Aminopyralid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2018
25	Amitraz	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
26	2,4-D	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	03/04/2018
27	Bentazone	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	03/04/2018
28	Bifenazate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
29	Bitertanol	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
30	Carbaryl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
31	Carbendazim	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
32	Carbofuran	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
33	Carbosulfan	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	05/04/2018
34	Chlormequat	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,15 mg/kg	09/04/2018
35	Chlorpropham	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0004 mg/kg	05/04/2018
36	Clethodim	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
37	Clofentezine	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
38	Cyhexatin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
39	Cyprodinil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0003 mg/kg	05/04/2018
40	Cyromazin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
41	Difenoconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	05/04/2018
42	Dimethenamid-p	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
43	Dimethipin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
44	Dimethomorph	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
45	Diquat	Ref. EURL-SRM, Version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	09/04/2018
46	Dithiocarbamate	Ref. CRL, Version 2 (2009)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/04/2018
47	Ethoprophos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
48	Fenamiphos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	05/04/2018
49	Fenbuconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
50	Fenbutatin oxide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
51	Fenpropimorph	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
52	Fludioxonil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
53	Flutolanil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
54	Glufosinat-ammonium	Ref. EUL-SRM, Version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	08/04/2018
55	Imidacloprid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2018
56	Indoxacarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	05/04/2018
57	Kresoxim-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
58	Methamidophos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2018
59	Methomyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2018
60	Methoxyfenozide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
61	Myclobutanil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
62	Novaluron	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,2 mg/kg	05/04/2018
63	Oxamyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2018

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
64	Oxydemeton-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
65	Paraquat	Ref. EURL-SRM, version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,0015 mg/kg	09/04/2018
66	Penconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
67	Pirimicarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
68	Pirimiphos-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
69	Prochloraz	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
70	Profenofos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
71	Propamocarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
72	Propiconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
73	Pyraclostrobin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	05/04/2018
74	Pyrimethanil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
75	Quinoxyfen	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
76	Spinosad	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,5 mg/kg	05/04/2018
77	Tebuconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
78	Tebufenozide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
79	Terbufos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
80	Thiacloprid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
81	Triadimefon	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
82	Triadimenol	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
83	Trifloxystrobin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2018
84	Vinclozolin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
85	Dicofol	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	05/04/2018
86	Diflubenzuron	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	05/04/2018
87	Famoxadone	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	05/04/2018
88	Fenhexamid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	05/04/2018
89	Fenpyroximate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	05/04/2018

Mã số mẫu: 05443.18

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
90	Flumethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
91	Flusilazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,04 mg/kg	05/04/2018
92	Methoprene	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	05/04/2018
93	Propargite	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	05/04/2018

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 4 năm 2018

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KHU VỰC PHÍA NAM

Ths. Nguyễn Đức Thịnh

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HỒ CHÍ MINH

PGS.TS.BS Đặng Văn Chính